

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTNMT-TCMT

V/v triển khai các quy định pháp luật về
bảo vệ môi trường đất

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng khu vực bị ô nhiễm; các đối tượng thuộc trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan quản lý; quy trình xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường đất; trách nhiệm của các cơ quan quản lý chất lượng môi trường (các quy định tại Điều 8, 11, 13 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP). Đồng thời, ngày 31 tháng 12 năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; trong đó Điều 32 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm “*lập, cập nhật và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường danh mục các khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh, khu vực có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất, kho chứa hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, bãi chôn lấp chất thải, làng nghề đã đóng cửa hoặc di dời; khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc khai thác; vùng canh tác nông nghiệp sử dụng nhiều hóa chất trên địa bàn*”.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị quý Ủy ban chỉ đạo tổ chức thực hiện theo các quy định nêu trên, báo cáo kết quả thực hiện (*theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm theo*) về Bộ Tài nguyên và Môi trường (thông qua Tổng cục Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và địa chỉ thư điện tử thco@monre.gov.vn; tdkhanh2@monre.gov.vn) trước ngày 23 tháng 4 năm 2021 để tổng hợp, hướng dẫn thực hiện các hoạt động tiếp theo.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự hợp tác chặt chẽ của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu:VT, TCMT, K(70).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỂM CÓ KHU VỰC BỊ NHIỄM ĐỘC HÓA CHẤT TRONG CHIẾN TRANH

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực bị nhiễm độc (6)	Kết quả phân tích (nếu có) (7)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (8)	Dân cư xung quanh (9)	Phản ánh (10)	Ghi chú (11)

Ghi chú:

- (1)- Số thứ tự;
- (2)- Tên các điểm có khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh;
- (3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;
- (4)- Mô tả chung (hiện trạng sở hữu, sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, các loại hình sản xuất trong khu vực đó, quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải của các cơ sở bên trong khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh, khoảng thời gian sử dụng làm nơi sản xuất);
- (5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
Phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
- (6)- Diện tích khu vực bị nhiễm độc (Ha, m²);
- (7)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực nếu có, so sánh với QCVN 45:2012/BTNMT;
- (8)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;
- (9)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1km);
- (10)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân
- (11)- Các thông tin khác địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

Ghi chú: Thông tin chi tiết xin liên hệ với cán bộ Trần Hồng Cơ (SĐT: 0909018687), Trần Duy Khánh (SĐT: 0913018382)

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỂM CÓ KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÃ ĐÓNG CỬA HOẶC DI DỜI

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích (nếu có) (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ánh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

- (1)- Số thứ tự
- (2)- Tên các điểm có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời;
- (3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;
- (4)- Thông tin về nhà máy (loại hình sản xuất, quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải...);
 - Thông tin về: các loại hình sản xuất trong khu công nghiệp; quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải của các cơ sở bên trong khu;
 - Hiện trạng quy hoạch sử dụng đất hiện nay.
- (5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
 Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
- (6)- Diện tích của khu công nghiệp, nhà máy (Ha, m²);
- (7)- Nêu rõ thời gian khu vực sử dụng làm nơi sản xuất (từ năm nào đến năm nào);
- (8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực nếu có; so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);
- (9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;
- (10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1km);
- (11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;
- (12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

III. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỂM CÓ KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỰ KIẾN ĐÓNG CỬA HOẶC DI DỜI

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Diện tích khu vực (5)	Thời gian dự kiến di dời/đóng cửa (6)	Dự kiến chuyển đổi mục đích sử dụng đất (7)	Dân cư xung quanh (8)	Phản ánh (9)	Ghi chú (10)

Ghi chú:

(1)-(4): tương tự ở phía trên;

(5)- Diện tích của khu công nghiệp, nhà máy (Ha, m²);

(6)- Ghi năm dự kiến di dời, đóng cửa;

(7)- Quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng;

(8)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1km);

(9)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;

(10)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC LÀNG NGHỀ ĐÃ ĐÓNG CỬA HOẶC DI DỜI

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích kho, bãi (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích nếu có (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ảnh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

- (1)- Số thứ tự
- (2)- Tên các điểm có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời;
- (3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;
- (4)- Thông tin về hiện trạng các kho, bãi, các loại hình sản xuất đối với làng nghề;
- (5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
- (6)- Diện tích của kho, bãi (Ha, m²);
- (7)- Nêu rõ thời gian khu vực sử dụng làm kho, bãi, hoạt động (từ năm nào đến năm nào, thời gian đóng cửa, di dời);
- (8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực (từ năm 2016 đến nay nếu có); so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);
- (9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;
- (10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1km);
- (11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân
- (12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

V. THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỘC HẠI ĐÃ KẾT THÚC KHAI THÁC

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích nếu có (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ánh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

- (1)- Số thứ tự;
- (2)- Tên các khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc khai thác;
- (3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;
- (4)- Thông tin về loại hình khai thác khoáng sản, quy mô, công suất khai thác, đã hoàn thành thực hiện việc hoàn thổ, cải tạo phục hồi hay chưa...);
- (5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;
- (6)- Diện tích của khu vực (Ha, m²);
- (7)- Nêu rõ thời gian khu vực khai thác khoáng sản (từ năm nào đến năm nào);
- (8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản nếu có; so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);
- (9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;
- (10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);
- (11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;
- (12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.